

Bản án số: 07/2021/DS-PT

Ngày: 16/3/2021

*“V/v tranh chấp hợp đồng thuê
quyền sử dụng đất trồng rừng”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân.

Các Thẩm phán : Ông Vũ Văn Minh.

Ông Bùi Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Năm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 11 và ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2020/TLPT-DS ngày 19/10/2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất trồng rừng”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 122/2020/QĐ-PT ngày 13 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Ông Ngô Thiện M, sinh năm 1949; nơi cư trú: Thôn 7, xã T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- Bị đơn: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1956; nơi cư trú: Thôn 5, xã T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; (Đã có ủy quyền).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Quang T, sinh năm: 1978, nơi cư trú: Thôn P1, xã V, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

+ Ông Lê Quang S, sinh năm: 1983, nơi cư trú: số nhà 21/4 đường V 26, khu phố T, phường A, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương; (Đã có ủy quyền).

+ Bà Lê Thị Hằng N, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn H, xã DV, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam; (Đã có ủy quyền).

+ Bà Lê Thị Mỹ N, sinh năm: 1984; nơi cư trú: Thôn 1A, xã T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; (Đã có ủy quyền).

+ Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị H, ông Lê Quang S, chị Lê Thị Hằng N, chị Lê Thị Mỹ N: Ông Lê Quang T, 1978, nơi cư trú: Thôn P1, xã V, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị B; nơi cư trú: Thôn 7, xã T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn là Ngô Thiện M có ý kiến trình bày:

Ông Ngô Thiện M được Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng và đất rừng số 154 ngày 23/02/1993 ở vị trí lô a31, a32, diện tích 0,6ha (đến ngày 31/10/2013 được UBND thị xã Hương Thủy cấp đổi thành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL683693, thửa đất số 1118; tờ bản đồ số 02, diện tích 18.615m² mang tên ông Ngô Thiện M và bà Nguyễn Thị B) tọa lạc tại xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau đó, Hợp tác xã 1 Thủy Phù có chủ trương trồng mía và đặt vấn đề mượn đất của gia đình ông M để giao cho các hộ gia đình khác trồng mía theo dự án, trong đó có gia đình ông Lê Quang Th và bà Ngô Thị H. Thời gian đầu gia đình ông không đồng ý nhưng phía địa phương tiến hành vận động nên gia đình ông cũng đồng ý cho Hợp tác xã 1 Thủy Phù mượn đất để giao cho các hộ gia đình khác trồng mía theo dự án và giao cho hộ ông Lê Quang Th.

Sau khi dự án trồng mía không có kết quả thì Hợp tác xã 1 Thủy Phù tiếp tục dự án trồng sắn KM94 và tiếp tục mượn đất của gia đình ông để giao cho các hộ gia đình trồng sắn. Sau đó, một thời gian trồng mía và trồng sắn thì ông Lê Quang Th chuyển sang trồng rừng, lúc đó ông M gặp ông Th và đưa ra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông M thì ông Lê Quang Th thừa nhận thửa đất mà ông Th đang trồng rừng mà Hợp tác xã 1 Thủy Phù giao cho ông Th là thuộc quyền sử dụng của gia đình ông M. Tại thời điểm này ông Th đã tiến hành đào ao trên thửa đất của ông và đào các mố giới tiếp giáp với các thửa đất khác.

Ngày 10/3/2006, giữa ông M và ông Lê Quang Th có kí kết hợp đồng trồng rừng với tỷ lệ phân chia lợi nhuận sau khi khai thác rừng ông M được hưởng 20%; ông Lê Quang Th được phân chia 80%. Đến ngày 11/10/2012, ông Ngô Thiện M và ông Lê Quang Th đến tại UBND xã Thủy Phù để tiếp tục kí kết hợp đồng trồng rừng, thời hạn kết thúc hợp đồng đến ngày 10/3/2017 với tỷ lệ phân chia là ông M 30%, ông Lê Quang Th được hưởng 70% và giao trả đất khi hết thời hạn hợp đồng. Hợp đồng trên có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Thủy Phù. Năm 2013, ông Th chết, nhưng những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Th không chịu thực hiện hợp đồng đã kí kết giữa ông M và ông Lê Quang Th. Vì vậy, ông Ngô Thiện M đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Quang Th là bà Ngô Thị H, ông Lê Quang S, chị Lê Thị Hằng N, chị Lê Thị Mỹ N, anh Lê Quang T phải thực hiện thanh lý hợp đồng trồng rừng ký giữa ông Ngô Thiện M và ông Lê Quang Th. Bà Ngô Thị H, ông Lê Quang S, chị Lê Thị Hằng N, chị Lê Thị Mỹ N, anh Lê Quang T phải chịu trách nhiệm chi trả giá trị khai thác sản phẩm bán cây 30% cho ông Ngô Thiện M theo hợp đồng trồng rừng đã kí kết là 7.400.000 đồng. Đồng thời phải chịu trách nhiệm thuê xe lắp lại hồ mà trước đây ông Lê Quang Th đã đào hồ trái phép, trả lại mặt bằng như ban đầu cho ông M.

Tại biên bản hòa giải ngày 23/10/2019, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu phía gia đình bà H phải thuê xe để lấy lại hồ mà trước đây ông Lê Quang Th đã đào hồ trái phép, trả lại mặt bằng cho vợ chồng ông M. Sau đó, tại biên bản làm việc ngày 05/6/2020, ông M tiếp tục rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà H và những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Th phải có trách nhiệm chi trả giá trị khai thác cây là 30% theo thỏa thuận hai bên đã kí vào ngày 11/10/2012 có công chứng tại UBND xã Thủy Phù.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B nhất trí với ý kiến trình bày của nguyên đơn.

Bị đơn là bà Ngô Thị H có ý kiến trình bày: Thừa đất đang tranh chấp là do gia đình ông Lê Quang Th khai hoang, tiến hành trồng mía, trồng sắn theo dự án của Hợp tác xã 1 Thủy Phù, nhưng không có nhiều hiệu quả. Vì vậy, gia đình bà đã chuyển sang trồng rừng và diện tích mà gia đình bà trồng rừng không nằm trong thửa đất số a31 của ông Ngô Thiện M như trình bày của ông M mà nằm trong thửa đất khác thuộc quyền sử dụng của gia đình bà. Cụ thể là thửa đất số 45 và thửa đất số 56. Gia đình bà H trồng mía từ năm 1997 đến năm 2006 gần 10 năm nhưng ông M đưa ra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993 để đòi lại quyền sử dụng đất là trái quy định của pháp luật. Từ năm 1997 đến nay gia đình bà trồng trọt với diện tích mà Hợp tác xã 1 Thủy Phù giao là 9.141m² không thay đổi. Năm 2008 ông M cùng Đoàn đo đạc không có người nhà bà H đi theo tham gia nên ông M đã chỉ cho Đoàn đo đạc cắt thửa đất gia đình bà thành hai thửa là 45 và 56 là không hợp lý; ông Th ký tiếp giáp vào thửa 45 là do ông Th tưởng theo hiện trạng thực tế đang trồng, còn thửa đất 56 thì ông Th không ký

tiếp giáp. Ông M chỉ có thửa số a31 cấp năm 1993 chỉ có 0,4ha. Vậy hiện trạng chỉ có 2 thửa số 46 diện tích 5.199m² và thửa số 74 diện tích 10.383m². Tổng diện tích hai thửa trên là 15.582m² là không hợp lý. Còn ông Th có thửa đất số 45 diện tích 6.179m² và thửa đất số 56 có diện tích 3.033m², tổng hai thửa là 9.212m² so với diện tích hợp tác xã Thủy Phù giao là phù hợp. Bà H thừa nhận chữ ký và chữ viết trong hợp đồng trồng rừng là của ông Lê Quang Th.

Về quan hệ nhân thân: Ông Lê Quang Th chết năm 2013, ông Th và bà Ngô Thị H có 04 người con chung gồm: Anh Lê Quang T, anh Lê Quang S, chị Lê Thị Mỹ N và chị Lê Thị Hằng N.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Quang T đồng thời là đại diện của bà Ngô Thị H, ông Lê Quang S, chị Lê Thị Hằng N, chị Lê Thị Mỹ N có ý kiến trình bày: Ông nhất trí như ý kiến của bà H, gia đình ông không biết việc ông Th có ký hợp đồng trồng rừng với ông M, tuy nhiên ông thừa nhận chữ ký và chữ viết trong hợp đồng trồng rừng là của ông Th.

Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày như trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 22/7/2020, Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 244; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 74, 147, Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Áp dụng các Điều 275, 351, 385, 401, 422, 500, 614, 615, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Thiện M đối với phần khởi kiện yêu cầu phía bị đơn phải thuê xe để lấp lại hồ mà trước đây ông Lê Quang Th đã đào hồ, trả lại mặt bằng cho vợ chồng ông M, đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà H và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Th phải có trách nhiệm chi trả giá trị khai thác cây là 30% theo thỏa thuận mà hai bên đã ký ngày 10/3/2006.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Ngô Thiện M, buộc bà Ngô Thị H, ông Lê Quang S, chị Lê Thị Hằng N, chị Lê Thị Mỹ N, anh Lê Quang T phải thực hiện thanh lý hợp đồng trồng rừng ký kết ngày 10/3/2006, ký lại vào ngày 11/10/2012 giữa ông Lê Quang Th và ông Ngô Thiện M.

Bà Ngô Thị H, ông Lê Quang S, chị Lê Thị Hằng N, chị Lê Thị Mỹ N, anh Lê Quang T có nghĩa vụ thu hoạch toàn bộ cây keo lai được trồng trên diện tích đất là 3.033.3m², thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 02; giao trả lại quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Ngô Thiện M và bà Nguyễn Thị B đối với thửa đất số 56,

tờ bản đồ số 02, có diện tích là 3.033.3m², (là một phần của thửa đất số 1118, tờ bản đồ số 02, diện tích 18.615m²) theo ranh giới thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL683693 được UBND thị xã Hương Thủy cấp cho ông Ngô Thiện M và bà Nguyễn Thị B, tọa lạc tại xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Ngô Thị H, ông Lê Quang S, chị Lê Thị Hằng N, chị Lê Thị Mỹ N, anh Lê Quang T phải có nghĩa vụ thu hoạch xong cây keo lai trồng trên đất, trả lại diện tích đất trên cho vợ chồng ông Ngô Thiện M và bà Nguyễn Thị B (có bản vẽ kèm theo).

3. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với bà Ngô Thị H.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, bản vẽ là 3.565.000 đồng, ông Ngô Thiện M và bà Ngô Thị H mỗi người phải chịu 1.782.500 đồng, ông Ngô Thiện M đã nộp đủ, buộc bà Ngô Thị H phải hoàn trả lại cho ông Ngô Thiện M số tiền là 1.782.500 đồng.

Ngày 27/7/2020, bà Ngô Thị H, ông Lê Quang S, chị Lê Thị Hằng N, chị Lê Thị Mỹ N, anh Lê Quang T đã có đơn kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự có kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo và không tự hòa giải, thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến:

Về kiểm sát tuân theo pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bà Ngô Thị H, ông Lê Quang T, ông Lê Quang S; bà Lê Thị Mỹ N; bà Lê Thị Hằng N hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy chưa thu thập và xác minh chứng cứ đầy đủ theo quy định tại các Điều 92, 93, 94, 95, 96, 97 Bộ luật tố tụng Dân sự mà đã đưa ra xét xử và tuyên án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, xét đơn kháng cáo của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn bà Ngô Thị H và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Quang T, ông Lê Quang S, bà Lê Thị Mỹ N, bà Lê Thị Hằng N có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xác định là hợp lệ.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không rút kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

2.1. Hợp đồng trồng rừng ký kết ngày 10/3/2006 và ngày 11/10/2012 giữa ông Lê Quang Th và ông Ngô Thiện M được bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn công nhận chữ ký và chữ viết trong hợp đồng là của ông Lê Quang Th. Nội dung thỏa thuận trong hợp đồng như sau:

Bên A (ông M) có thửa đất số hiệu a31, diện tích 0,4 ha theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng và đất rừng số 154, ngày 23/02/1993 giao bên B (ông Th) nhận trồng rừng kinh tế có thời hạn 10 năm. Bên A (ông M) được hưởng 20% giá trị sản phẩm cây trồng, bên B (ông Th) được hưởng 80%. Đến ngày 11/10/2012, hai bên tiếp tục thỏa thuận thời hạn hợp đồng đến ngày 10/3/2017, ông M được hưởng 30%, ông Th được hưởng 70%, hết thời hạn hợp đồng, ông Th phải trả đất cho ông M.

Năm 2013, ông Th chết, vợ và các con của ông Th tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất trên. Đến thời hạn hết hợp đồng ngày 10/3/2017 thì vợ và các con ông Th không trả lại đất cho vợ chồng ông M. Vì vậy, ông M khởi kiện yêu cầu bà Ngô Thị H và những người con của ông Th, bà H phải thanh lý hợp đồng trồng rừng đã ký kết, trả lại cho ông diện tích đất 3.033,3m².

Bản án sơ thẩm đã tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Ngô Thiện M, buộc bà Ngô Thị H, ông Lê Quang S, chị Lê Thị Hằng N, chị Lê Thị Mỹ N, anh Lê Quang T phải thực hiện thanh lý hợp đồng trồng rừng ký kết ngày 10/3/2006, ký lại vào ngày 11/10/2012 giữa ông Lê Quang Th và ông Ngô Thiện M. Bà Ngô Thị H, ông Lê Quang S, chị Lê Thị Hằng N, chị Lê Thị Mỹ N, anh Lê Quang T có nghĩa vụ thu hoạch toàn bộ cây keo lai được trồng trên diện tích đất là 3.033,3m², thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 02; giao trả lại quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Ngô Thiện M và bà Nguyễn Thị B đối với thửa đất số 56, tờ bản đồ số 02, có diện tích là 3.033,3m², (là một phần của thửa đất số 1118, tờ bản đồ số 02, diện tích 18.615m²).

Tuy nhiên, theo trình bày của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn thì thửa đất hiện đang có tranh chấp mà Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy giải quyết buộc gia đình họ trả lại cho nguyên đơn không phải là thửa đất số a31 diện tích 0,4 ha theo Giấy chứng nhận quyền sử

dụng rừng và đất rừng số 154, ngày 23/02/1993 mà thửa đất trên do gia đình ông Lê Quang Th khai hoang để trồng cây.

Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã xác minh tại Hạt kiểm lâm thị xã Hương Thủy kết quả xác minh như sau: Hạt kiểm lâm không có cơ sở để xác định lô đất có ký hiệu a31, khoảnh A, diện tích 0,4 ha được UBND huyện Hương Thủy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng và đất rừng ngày 23/02/1993 cho ông Ngô Thiện M thuộc HTX 1 Thủy Phù, Hương Thủy là thửa đất số 56, tờ bản đồ địa chính số 2, diện tích 3.033 m² và thửa đất số 1118, tờ bản đồ địa chính số 2, diện tích 18.615 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 683693 ngày 31/10/2018 được UBND thị xã Hương Thủy cấp cho ông Ngô Thiện M và bà Nguyễn Thị B.

Lý do: Lô đất này được đo đạc từ năm 1993, can vẽ thủ công không có đặc điểm nhận dạng cụ thể như đường bình độ, đường ô tô, đường lâm nghiệp, khe suối hoặc đặc điểm khác ...có hệ tọa độ trên nền bản đồ UTM (của M) được sử dụng phổ biến từ trước năm 2000 trở về trước nên khi áp vào thửa đất ố 56 và thửa đất số 1118, tờ bản đồ số 2 (có hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107, múi chiếu 3 độ) nêu trên là không trùng nhau hay nói cách khác là không xác định được lô đất ký hiệu a31, khoảnh A nằm ở vị trí nào trên tờ bản đồ số 2.

Cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ để làm rõ vị trí thửa đất số a31, khoảnh A diện tích 0,4 ha cấp ngày 23/02/1993 cho ông Ngô Thiện M nằm ở vị trí nào mà tuyên xử buộc bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải thanh lý hợp đồng trồng rừng đối với lô đất ký hiệu a31 là chưa xác minh chứng cứ đầy đủ.

2.2. Theo bản vẽ hiện trạng kèm theo bản án sơ thẩm thì diện tích đất chồng lấn giữa ông Ngô Thiện M và bà Ngô Thị H là 3169 m² nhưng theo quyết định của bản án sơ thẩm là 3.033,3 m² (chênh lệch 135,7m²). Như vậy, bản án sơ thẩm không có bản vẽ kèm theo thể hiện đối với diện tích đất 3.033,3 m² buộc bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trả lại. Với sự chênh lệch trên không thể xác định được mốc giới và phần đất buộc phía bị đơn phải trả cho ông M và bà B, nên việc thi hành án đối với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy không thể thực hiện được.

Từ những nhận định trên, xét thấy Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy chưa thu thập và xác minh chứng cứ đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các đương sự và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

Bị đơn bà Ngô Thị H và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Quang T, ông Lê Quang S, bà Lê Thị Mỹ N, bà Lê Thị Hằng N không phải chịu.

Tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, các chi phí tố tụng khác sẽ được Tòa án xem xét khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148, Khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế : “Tranh chấp hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất trồng rừng”, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Ngô Thiện M, sinh năm 1949; nơi cư trú: Thôn 7, xã T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Bị đơn:* Bà Ngô Thị H, sinh năm 1956; nơi cư trú: Thôn 5, xã T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Lê Quang T, sinh năm: 1978, nơi cư trú: Thôn P1, xã V, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Ông Lê Quang S, sinh năm: 1983, nơi cư trú: số nhà 21/4 đường V 26, khu phố T, phường A, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

+ Bà Lê Thị Hằng N, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn H, xã DV, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà Lê Thị Mỹ N, sinh năm: 1984; nơi cư trú: Thôn 1A, xã T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị H, ông Lê Quang S, chị Lê Thị Hằng N, chị Lê Thị Mỹ N: anh Lê Quang T, 1978, nơi cư trú: Thôn P1, xã V, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế;

+ Bà Nguyễn Thị B; nơi cư trú: Thôn 7, xã T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Ngô Thị H và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Quang T, ông Lê Quang S, bà Lê Thị Mỹ N, bà Lê Thị Hằng N không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông Lê Quang T, ông Lê Quang S, bà Lê Thị Mỹ N, bà Lê Thị Hằng N mỗi người 300.000 đồng đã nộp tiền tạm ứng án phí theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001138; 0001139; 0001140; 0001141 ngày 10/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TT Huế;
- TAND thị xã Hương Thủy;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu Tòa DS;
- Lưu HCTP.

Thái Thị Hồng Vân